

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Lam** và ông **Y Míp Niê**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Công Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Cát Cẩn** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 21/3/2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-DS ngày 12/7/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-DS ngày 25/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Văn Ch.**

Địa chỉ: khối 3, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Đỗ Thị L.**, ông **Kiều Văn L.**

Địa chỉ: thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, ông **Phan Văn Ch** trình bày: Trước đây tôi có bán cho ông bà L + L một số mặt hàng phân bón với số tiền là 257.310.000 đồng. Trong thời gian qua, tôi đã nhiều lần đề nghị ông bà thanh toán cho tôi nhưng ông bà L + L không chịu thanh toán. Nay tôi làm đơn này đề nghị giải quyết để buộc ông bà **Đỗ Thị L** và **Kiều Văn L** thanh toán cho tôi số tiền 257.310.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai, bà **Đỗ Thị L** trình bày: Tôi và ông **Kiều Văn L** là vợ chồng và tôi thừa nhận là chúng tôi có mua phân bón của ông **Phan Văn Ch** với số tiền tính đến ngày 31/12/2018 là 257.310.000 đồng. Nay ông **Phan Văn Ch** khởi kiện tôi với ông **Kiều Văn L** về số nợ 257.310.000 đồng thì chúng tôi chấp nhận. Về lãi suất thì tôi cũng đồng ý tính theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm

việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tiến hành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Kiều Văn L, bà Đỗ Thị L đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L phải hoàn trả số tiền nợ là 257.310.000 đồng và lãi suất được tính theo mức 1,5%/tháng đối với số tiền đã nợ từ ngày 11/02/2019 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ đúng pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng cũng như việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia phiên tòa đều đảm bảo, đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 430, Điều 440 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ch. Buộc bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L phải hoàn trả cho ông Phan Văn Ch số tiền nợ 257.310.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng.

[1.1] Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2023, ông Phan Văn Ch khởi bà Đỗ Thị L và ông Kiều Văn L về việc hoàn trả số tiền nợ 257.310.000 đồng và lãi suất đã được xác nhận qua Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2018. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự (tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản), quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L có địa chỉ và hiện đang cư trú tại thôn Q – xã E – huyện K nên ông Phan Văn Ch làm đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Krông Năng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Bị đơn bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp.

[2.1] Đối với số tiền nợ: Ngày 31/12/2018, ông Phan Văn Ch và bà Đỗ Thị L có lập “Biên bản xác nhận công nợ” với nội dung: Bên A: Nhà máy phân bón NPK Agrilong & VFS) do ông Phan Văn Ch làm đại diện và Bên B: Đại lý Lợi Lam do bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L làm chủ đại lý có thực hiện đối chiếu công nợ giữa hai bên về việc tính đến

ngày 31/12/2018, bên B còn nợ lại bên A số tiền gốc là 257.310.000 đồng. Bên B cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc trên dứt điểm trước ngày 11/02/2019. Sau 40 ngày, kể từ ngày ký nhận nếu khách hàng không thanh toán đúng hạn thì tính theo lãi suất quy định của pháp luật. Việc xác nhận nợ được lập thành văn bản và có chữ ký của đại diện bên A là ông Phan Văn Ch, đại diện bên B là bà Đỗ Thị L. Như vậy số tiền mà bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L đã nợ của ông Phan Văn Ch số tiền 257.310.000 đồng qua việc mua bán phân bón là có thật, được thể hiện qua “Biên bản xác nhận công nợ” đều có chữ ký của các bên cũng như việc thừa nhận của bà Đỗ Thị L. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ch là có căn cứ chấp nhận, buộc bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phan Văn Ch số tiền đã nợ là 257.310.000 đồng.

[2.2] Về nợ lãi: Tại mục 2 của “Biên bản xác nhận công nợ” có ghi: “*Bên B cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc trên dứt điểm trước ngày 11/02/2019 (Sau 40 ngày kể từ ngày ký nhận, nếu khách hàng không thanh toán đúng hạn sẽ tính theo lãi suất quy định pháp luật)*”. Đối với yêu cầu tính lãi suất thì các bên đều thống nhất nếu sau 40 ngày không trả số tiền đã nợ thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 11/02/2019. Như vậy bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L phải chịu lãi suất theo mức là 0,83%/ tháng của số tiền 257.310.000 đồng từ ngày 11/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/8/2023) cụ thể là: $257.310.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 54 \text{ tháng} = 115.326.342 \text{ đồng}$.

[2.3] Từ những nhận định trên, xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Ch về việc buộc bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L phải hoàn trả cho ông Phan Văn Ch số tiền 257.310.000 đồng và 115.326.342 đồng lãi suất, tổng cộng: 372.636.342 đồng (lấy tròn số: 372.636.000 đồng).

[3] Về án phí.

[3.1] Bị đơn bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: $372.636.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.631.817 \text{ đồng}$ (lấy tròn số 18.632.000 đồng).

Nguyên đơn ông Phan Văn Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ch.

Buộc bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L phải hoàn trả cho ông Phan Văn Ch số tiền nợ 257.310.000 đồng và 115.326.342 đồng lãi suất, tổng cộng: 372.636.342 đồng (lấy tròn số: 372.636.000 đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí.

Bà Đỗ Thị L, ông Kiều Văn L phải chịu 18.632.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Văn Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 6.432.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0022214 ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn